TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 500/2021/HS-PT
Ngày 14 tháng 12 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;
Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh;
Ông Hoàng Minh Thịnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 219/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thanh T và các bị cáo khác; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2021/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1/. **Nguyễn Thanh T** (T ba lá), sinh năm 1978 tại tỉnh Trà Vinh; Thường trú: đường HH, phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường ĐN, phường TA, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C1 và bà Phan Thị M1; Có vợ là Nguyễn Thị V1 và 04 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 330/HSST ngày 13/3/2003 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 13/7/2005; Tại Bản án số 79/2001/HSST ngày 06/9/2011, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc", chấp hành xong hình phạt vào tháng 11/2011; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/7/2019. (có mặt)

2/. **Phạm Minh Tr** (S), sinh năm 1977 tại tỉnh Trà Vinh; Thường trú: ấp CX, xã HH2, huyện CL, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: đường D nối dài, phường L,

quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: (Không); Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C2 và bà Đoàn Thị M2; Có vợ là Nguyễn Thị V2 và 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 24/7/2019. (có mặt)

3/. **Dương Hạnh P**, sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: xã VL, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: (không); Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn C3 và bà Bùi Thị M3; Có vợ là Nguyễn Thị Kim V3 và 02 con (sinh năm 2009 và 2002); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 2141/HSST ngày 27/11/2003 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc"; Bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2019. (có mặt)

4/. **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1999 tại thành phố Cần Thơ; Thường trú: ấp TTA, phường TN, quận TN2, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở: đường XX, phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C4 và bà Đinh Thị M4; Bị cáo chưa có chồng, có 01 con (sinh ngày 23/3/2020); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến ngày 30/8/2019 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (vắng mặt)

5/. **Lê Thị Ngọc M (TG)**, sinh năm 1973 tại tỉnh Tiền Giang; Thường trú: TK, xã BP, huyện GC, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: khóm Y, thị trấn MA, huyện M, tỉnh Đồng Tháp; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh C5 và bà Nguyễn Thị M5; Có chồng là Trần Thanh CH5 (đã ly hôn) và 02 con (sinh năm 1993 và 2001); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2019. (có mặt)

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phạm Minh Tr, Dương Hạnh P, Nguyễn Thị Ngọc Y, Lê Thị Ngọc M: LS1 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

6/. **Lê Thị H**, sinh năm 1963 tại thành phố Cần Thơ; Thường trú: ấp TH, xã XA, huyện TL, thành phố Cần Thơ; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C6 và bà Nguyễn Thị M6; Bị cáo chưa có chồng, có 01 con (Sinh năm 1992); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 192/HSST ngày 04/9/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 04 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 12/7/2006; ngày 08/7/2010, Công an quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính 1.000.0000 đồng về hành vi đánh bạc; Bị bắt tạm giam từ

ngày 22/7/2019 đến ngày 18/10/2019 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

7/. **Trần Tiến A**, sinh năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường K, phường HT, Quận XY, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C7 và bà Trần Thị Thúy M7; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/9/2019 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

8/. **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường LQ, Phường KX, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường HB, Phường X1, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C8 và bà Kiều Thị Kim M8; Có chồng là Dương Minh CH8 (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/9/2019 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (vắng mặt)

(Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị C, 03 người bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Nguyễn Thanh T bàn bạc với Nguyễn Thị Ngọc Y (bạn gái của T), Phạm Minh Tr, Nguyễn Thị C, Lê Thị Ngọc M và Dương Hạnh P tìm những người quen có điều kiện về kinh tế, mời dự tiệc chung nhóm của T, rồi lén bỏ chất ma túy Methamphetamine và Clonazepam (liều lượng thấp) gây ảo giác và gây ngủ vào bia cho bị hại uống, khi bị hại ngấm thuốc thì đưa về nhà T thuê tại địa chỉ đường ĐN, phường TA, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh rủ người bị hại tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền, bằng cách gian lận tráo bài để bị hại thua, sau đó ép bị hại ký giấy nợ nhằm chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng cuối tháng 01/2019, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị C, Phạm Minh Tr và Dương Hạnh P gặp nhau tại quán cà phê TT (Khu dân cư HV, quận B, Thành phố Chí Minh). Tại đây, Nguyễn Thị C cho cả nhóm biết có quen với ông Nguyễn Hữu K (sinh năm 1975; cư trú: lộ CT, xã NT, huyện TTH, tỉnh Long An) chuyên sản xuất cửa nhôm. T bàn bạc và phân công cho cả nhóm việc thực hiện chiếm đoạt tài sản của ông K, T là người chuẩn bị thuốc gây ngủ và tiền để đánh bạc, C làm nhiệm vụ liên lạc với ông K, Tr đóng giả là chủ thầu công trình, P đóng giả làm chung với Tr, M đóng giả là chủ đầu tư, Y giả là cháu của M.

Sáng ngày 01/02/2019, C gọi điện thoại cho ông K mời lên Thành phố Hồ Chí Minh để giới thiệu cho ông K ký hợp đồng bán cửa nhôm với chủ đầu tư công trình, ông K đồng ý. C nói cho ông K biết Tr đang đi xem công trình gần nhà sẽ ghé thăm xưởng của ông K rồi cùng đi lên Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, tại nhà của T địa chỉ đường ĐN, phường TA, quận B, T cùng M, L (chưa rõ lai lịch) chuẩn bị sẵn bàn tiệc, T đưa cho M 01 lọ thuốc gây ngủ và 250.000.000 đồng dùng để đánh bạc rồi đi khỏi nhà. Đến 14 giờ 30 cùng ngày, ông K đi xe ô tô đến điểm hẹn gặp Tr, P, C, Y, cả nhóm đưa ông K về nhà của T để gặp M chủ đầu tư công trình. Tại đây, M mời ông K ở lại dự tất niên. Lợi dụng trong lúc đãi tiệc, M lén bỏ thuốc gây ngủ vào lon bia của ông K, làm cho ông K bị ngấm thuốc thì M, C rủ ông K đánh bạc ăn thua bằng tiền với hình thức bài 3 lá cùng với L, Tr.

Ông K nói không có tiền thì C nói cho ông K mượn 50.000.000 đồng và C ngồi chung một tụ với ông K, M lấy 250.000.000 đồng (do T đưa) chia cho đồng phạm làm vốn, Y (ngồi ngoài), thỉnh thoảng giở bài cho ông K nhằm đánh lạc hướng để Tr, P, C, M, L dùng thủ đoạn gian lận tráo bài làm ông K bị thua và phải mượn tiền của M, C, nhiều lần tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng gần 18 giờ cùng ngày thì nghỉ, M, C, Tr thông báo ông K biết đã nợ M 150.000.000 đồng, nợ C 300.000.000 đồng, nợ Tr 800.000.000 đồng. Lúc này, T gọi điện chỉ đạo cho đồng phạm đóng cửa nhà lại và đe dọa buộc ông K phải ký, lăn tay vào giấy mượn tiền do Tr viết với nội dung: "ông K có mượn của anh Nguyễn Văn Hùng 800.000.000 đồng bằng tiền mặt, đến ngày 20/01/2019, ông K sẽ trả cho anh Hùng tiền mặt một lần" và ký xác nhận nợ C 300.000.000 đồng, nợ M 150.000.000 đồng, Tr nói ký xong mới cho ông K về. Do bị ép buộc nên ông K đã ký vào giấy xác nhận nợ.

Đến ngày 02/02/2019, ông K mang theo 150.000.000 đồng đến vòng xoay L, quận B giao cho C, C nhận tiền đưa lại cho T, T chia cho M 10.000.000 đồng, Tr 2.000.000 đồng, số tiền còn lại thì T giữ.

Ngày 23/7/2019, ông Nguyễn Hữu K làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Vụ thứ hai:

Cũng bằng thủ đoạn như trên, ngày 01/3/2019, T, Y, M và U (chưa rõ lai lịch) rủ ông Nguyễn Duy CH (sinh năm 1955; cư trú: ấp H2, xã ĐH, huyện HĐ, tỉnh Long An) là người quen (họ hàng bên vợ của T) đến dự tiệc tại nhà hàng Bê Vàng (quận B). Sau đó, Tân chở ông K về nhà của T tại địa chỉ đường ĐN, phường TA, quận B. Tại đây, T cùng M, C, L, Tr, T1 và S1 (chưa rõ lai lịch) rủ ông CH đánh bạc ăn thua bằng tiền và dàn cảnh gian lận tráo bài làm cho ông CH bị thua. Đến sáng ngày 02/3/2019, T cùng đồng phạm nói ông CH thua 8.000.000.000 đồng và ép buộc ông CH phải viết giấy xác nhận với nội dung: "Ông CH nợ C 8.000.000.000 đồng, do không có tiền trả nên cam kết bán thửa đất khoảng 700m^2 cho C" rồi giao giấy cho T giữ.

Sau đó, T, C, S1 và T1 (bạn của T, chưa rõ lai lịch) dùng xe ô tô (không

rõ biển số) chở ông CH về nhà ông CH tại địa chỉ ấp H2, xã ĐH, huyện HĐ, tỉnh Long An, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho T, rồi cả nhóm đưa ông CH đến Phòng công chứng HĐ thuộc huyện HĐ, tỉnh Long An để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông CH sang cho C, nhưng do ông CH không có giấy chứng nhận độc thân nên không làm thủ tục được. Sau đó, T và đồng phạm đưa ông CH về nơi ông CH làm việc tại phường II, Quận O, Thành phố Chí Minh. Ông CH yêu cầu C viết giấy xác nhận đã nhận sổ đỏ có nội dung: "Tôi Nguyễn Thị C có nhận được quyền sử dụng đất do ông CH bán cho tôi: số thửa 966 tờ bản đồ số 18, diện tích 700m^2 thổ cư, tọa lạc tại ấp H2, xã ĐH, huyện HĐ" giao cho ông CH giữ.

Ông CH nhiều lần yêu cầu T và C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng T không trả, mà T, C yêu cầu ông CH phải đưa 150.000.000 đồng thì mới trả nhưng ông CH không thực hiện. Sau đó, T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho S1 (chưa rõ lai lịch) cất giữ, đến ngày 26/10/2019 S1 đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho ông CH.

Vụ thứ ba:

Ngày 19/7/2019, Nguyễn Thanh T gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Tuyết N (quen biết trước đó) kêu N tìm người quen giới thiệu cho T để T rủ tham gia đánh bạc và dàn cảnh chiếm đoạt tiền, T sẽ cho tiền N tiêu xài thì N đồng ý. Sau đó, T nói lại sự việc cho M, Tr, C, Yen biết và hẹn đến ngày 22/7/2019, lấy lý do tổ chức sinh nhật giả cho Nguyễn Thị Ngọc Y, để N đưa ông Từ Quốc H1 (sinh năm 1962; cư trú: đường C1, Phường DD, Quận I, Thành phố Chí Minh) là bạn của N đến khu ẩm thực sinh thái BX (địa chỉ số đường NT, xã PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh) nhằm dàn cảnh chiếm đoạt tài sản của ông H1. T rủ thêm bạn là Lê Thị H, Trần Tiến A, Đinh Thị M1, Nguyễn Thị H2 cùng đến dự sinh nhật của N. Vào trưa ngày 22/7/2020, tại nhà T địa chỉ đường ĐN, phường TA, quận B, T đưa cho M 01 lọ thuốc gây ngủ để M bỏ vào bia ông H1 uống và 400.000.000 đồng để cho đồng phạm dùng đánh bạc với ông H1. Sau đó, T cùng Y, C, M, Đinh Thị M1, Nguyễn Thị H2, Tiến A, Tr, H, Huỳnh Thị Như Hảo (con gái của C) đi đến địa điểm đặt tiệc tại phòng số 22 và số 23, khu ẩm thực sinh thái BX. Đến 11 giờ 30 cùng ngày thì N đưa ông Từ Quốc H1 đến và cùng ngồi vào bàn dự tiệc. Trong lúc dự tiệc, M lén bỏ thuốc gây ngủ vào 02 lon bia đưa cho ông H1 uống. Khi thấy ông H1 ngấm thuốc thì Tân, Tr, M, C rủ ông H1 đánh bạc. Do ông H1 bị ngấm thuốc và mệt nên không thể tham gia đánh bạc mà nằm nghỉ. Lúc này, M, C, N, H, Tiến A tự lập sòng bạc tại phòng số 22 và dùng tiền cá nhân để đánh bạc với nhau bằng hình thức đánh bài đặt mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và luân phiên làm cái. Đến 16 giờ cùng ngày, trong lúc M, C, N, H, Tiến A đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an bắt quả tang, thu giữ trên 35.000.000 đồng, 02 bộ bài Tây; 02 lọ nhựa (01 lọ nhãn hiệu Efticol, 01 lọ nhãn màu xanh có hình bàn chải đánh răng).

Khi tham gia đánh bạc Lê Thị Ngọc M dùng 4.000.000 đồng để đánh

bạc, Nguyễn Thị C dùng 350.000 đồng để đánh bạc, Trần Tiến A dùng 20.000.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị Y N dùng 1.800.000 đồng để đánh bạc, H dùng 5.000.000 đồng để đánh bạc.

Tại Kết luận giám định số 3577/C09B ngày 26/8/2019 Viện khoa học hình sự Bộ Công an, Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Chí Minh kết luận: Các mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4, M8 đều không tìm thấy thành phần các chất ma túy, tiền chất, thuốc ngủ, thuốc gây mê thường gặp. Mẫu M5 (mẫu nước tiểu ông Từ Quốc H1), M6 (chai nhựa nhãn hiệu "Efticol" đựng ít chất lỏng) gửi đến giám định có chứa thành phần Methamphetamine. Mẫu M5, Methamphetamine phát hiện ở dạng vết nên không xác định được hàm lượng. Mẫu M6 quá ít nên không đủ mẫu để giám định hàm lượng Methamphetamine.

Mẫu M7 (01 lọ nhựa có nhãn màu xanh, trên nhãn có "hình bàn chải đánh răng" bên trong có chứa chất lỏng) gửi đến giám, định có chứa thành phần Methamphetamine và Clonazepam. Hàm lượng Methamphetamine: 0,24%. Khối lượng Methamphetamine trong 8,72g mẫu giám định là: 0,021g. Phân viện không có mẫu chuẩn Clonazepam nên không giám định được hàm lượng.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 323, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Methamphetamine có tác dụng gây kích thích thần kinh trung ương, sử dụng liều cao có thể gây ảo giác.

Clonazepam là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 15, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Clonazepam có tác dụng an thần gây ngủ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2021/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thanh T 17 (mười bảy) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

2/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Phạm Minh Tr 14 (mười bốn) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Dương Hạnh P 14 (mười bốn) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

4/. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị Ngọc Y 12 (mười hai) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến ngày 30/8/2019.

5/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Thị Ngọc M 15 (mười lăm) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

6/. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 18/10/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

7/. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Trần Tiến A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/9/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

8/. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị Tuyết N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/9/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng

để sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị C, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 12/3/2021, bị cáo Phạm Minh Tr có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/3/2021, bị cáo Nguyễn Thanh T, Dương Hạnh P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Thị H, Trần Tiến A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 16/3/2021, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 19/3/2021, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/3/2021, bị cáo Lê Thị Ngọc M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phạm Minh Tr, Dương Hạnh P, Lê Thị Ngọc M, Lê Thị H, Trần Tiến A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và trật tự xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N xuất trình thêm tình tiết đã nộp số tiền phạt 10.000.000 đồng; các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới; tuy nhiên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phạm Minh Tr, Dương Hạnh P, Nguyễn Thị Ngọc Y, Lê Thị Ngọc M trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng các bị cáo cho rằng bản án sơ thẩm chưa xem xét thấu đáo các vấn đề cho các bị cáo. Các giấy vay nợ để làm căn cứ truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là bản photo, ghi khống tên tuổi, địa chỉ; nếu sử dụng các giấy vay nợ này thì các bị cáo cũng không thể đòi được tiền của bị hại. Các bị cáo ghi giấy vay nợ của ông K tổng số tiền 1.250.000.000 đồng nhưng thực tế ông K chỉ mới giao cho bị cáo C 150.000.000 đồng và không có chứng cứ chứng minh bị cáo C đưa lại cho bị cáo T và các bị cáo khác. Đối với ông CH, các bị cáo viết giấy nợ 8.000.000.000 đồng nhưng giá trị quyền sử dụng đất các bị cáo buộc ông CH làm thủ tục chuyển nhượng chỉ

700.000.000 đồng. Vậy cần làm rõ các bị cáo chiếm đoạt 8.000.000.000 đồng hay 700.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là trái quy định pháp luật; tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền các bị cáo chiếm đoạt để đánh giá mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; từ đó giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phạm Minh Tr, Dương Hạnh P, Nguyễn Thị Ngọc Y, Lê Thị Ngọc M, Lê Thị H, Trần Tiến A, Nguyễn Thị Tuyết N làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Tuyết N được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Tuyết N.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2019, Nguyễn Thanh T bàn bạc với Nguyễn Thị Ngọc Y, Phạm Minh Tr, Dương Hạnh P, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ngọc M tìm người quen có điều kiện về kinh tế, mời về dự tiệc chung với nhóm của T, lén bỏ chất ma túy với liều lượng thấp gây ảo giác và gây ngủ vào đồ uống cho các bị hại; khi bị hại thấm thuốc thì các bị cáo rủ bị hại đánh bài ăn thua bằng tiền; các bị cáo tráo bài để bị hại thua, sau đó ép bị hại ký giấy nhận nợ nhằm chiếm đoạt tài sản. Với thủ đoạn trên, các bị cáo buộc ông Nguyễn Hữu K ký giấy nhận nợ số tiền 1.250.000.000 đồng (ông K đã đưa cho các bị cáo 150.000.000 đồng); buộc ông Nguyễn Duy CH ký giấy nhận nợ số tiền 8.000.000.000 đồng, do không có tiền trả nên ông CH phải viết giấy cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất 700m^2 tại ấp H2, xã ĐH, huyện HĐ, tỉnh Long An cho Nguyễn Thị C và bị Nguyễn Thanh T chiếm đoạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bị cáo cũng thực hiện hành vi tương tự đối với ông Từ Quốc H1 nhưng do ông H1 bị ngấm thuốc mệt nên không thể đánh bạc được.

Ngoài hành vi cưỡng đoạt tài sản trên, ngày 19/7/2019, cơ quan điều tra còn bắt quả tang các bị cáo Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị C, Lê Thị H, Trần Tiến A, Nguyễn Thị Tuyết N thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua; đặt mỗi ván 100.000 đồng đến 200.000 đồng; tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 35.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thanh T, Phạm Minh Tr, Nguyễn Thị Ngọc Y phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật hình sự 2015; bị cáo Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị C phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản", "Đánh bạc" theo điểm a khoản

4 Điều 170, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015; bị cáo Lê Thị H, Trần Tiến A, Nguyễn Thị Tuyết N phạm tội Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phạm Minh Tr, Dương Hạnh P, Nguyễn Thị Ngọc Y, Lê Thị Ngọc M:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự xã hội. Trong vụ án, các bị cáo có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thanh T là người khởi xướng, tổ chức, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt về tội "Cướp giật tài sản" và "Đánh bạc" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội có tính chất nghiêm trọng hơn.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y, Phạm Minh Tr, Dương Hạnh P, Lê Thị Ngọc M là những người giúp sức tích cực cho Nguyễn Thanh T và trực tiếp thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản; riêng bị cáo M còn có hành vi đánh bạc.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: sau khi phạm tội đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T, Tr đã bồi thường cho người bị hại; bị cáo Tr, Y, M có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo M có nhân thân có công với cách mạng; bị cáo Y đang nuôi con nhỏ và đã ra đầu thú. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 17 năm tù, bị cáo Tr 14 năm tù, bị cáo P 14 năm tù, bị cáo Y 12 năm tù, bị cáo M 15 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và 01 năm tù về tội "Đánh bạc" là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới; đồng thời mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo cho rằng cần xác định lại số tiền các bị cáo chiếm đoạt để xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo thừa nhận việc cưỡng ép ông Nguyễn Hữu K ký giấy nhận nợ 1.250.000.000 đồng, ông Nguyễn Duy CH ký giấy nhận nợ 8.000.000.000 đồng; thực tế các bị cáo đã nhận của ông K 150.000.000 đồng trong số tiền nợ vay và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông CH để ép chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khấu trừ nợ. Hành vi phạm tội của các bị cáo hoàn thành kể từ thời điểm người bị hại ký giấy nhận nợ vay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo có hành vi chiếm đoạt của những người bị hại tổng số tiền

9.250.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Thị H, Trần Tiến A, Nguyễn Thị Tuyết N:

Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc, đã xâm phạm đến trật tự xã hội, là nguyên nhân gây nên một số loại tội phạm khác nên cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo Lê Thị H có nhân thân xấu, từng bị xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi "Cưỡng đoạt tài sản" và xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc". Trong vụ án này, các bị cáo H, Tiến A, Tuyết N thực hiện hành vi đánh bạc với mục đích dàn cảnh sắp xếp để dụ dỗ người bị hại đánh bạc, gian lận nhằm buộc bị cáo viết giấy nhận nợ theo sự sắp xếp của Nguyễn Thanh T nhưng hành vi phạm tội chưa đạt đối với tội danh "Cưỡng đoạt tài sản", do đó cơ quan điều tra không xử lý. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc, phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và xử phạt bị cáo H, Tiến A, N mỗi bị cáo 01 năm 06 tháng tù là phù hợp.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N nộp số tiền phạt 10.000.000 đồng tuy nhiên đây là số tiền phạt bổ sung cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải nộp; không phải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Thị H, Trần Tiến A không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phạm Minh Tr, Dương Hạnh P, Nguyễn Thị Ngọc Y, Lê Thị Ngọc M, Lê Thị H, Trần Tiến A, Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh T (T ba lá), Phạm Minh Tr (S), Dương Hạnh P, Nguyễn Thị Ngọc Y, Lê Thị Ngọc M (TG), Lê Thị H, Trần Tiến A, Nguyễn Thị Tuyết N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2021/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T (T ba lá), Phạm Minh Tr (S),

Dương Hạnh P, Nguyễn Thị Ngọc Y phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"; bị cáo Lê Thị Ngọc M (TG) phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Đánh bạc"; bị cáo Lê Thị H, Trần Tiến A, Nguyễn Thị Tuyết N phạm tội "Đánh bạc".

1/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thanh T (T ba lá) 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

2/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Phạm Minh Tr (S) 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Dương Hạnh P 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

4/. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị Ngọc Y 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến ngày 30/8/2019.

5/. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Thị Ngọc M (TG) 15 (mười lăm) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

6/. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Lê Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 18/10/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng

để sung vào ngân sách nhà nước.

7/. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Trần Tiến A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/9/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

8/. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị Tuyết N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/9/2019.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N đã nộp số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng theo Biên lai thu số 0001200 ngày 17/11/2021 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành phần quyết định trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T (T ba lá), Phạm Minh Tr (S), Dương Hạnh P, Nguyễn Thị Ngọc Y, Lê Thị Ngọc M (TG), Lê Thị H, Trần Tiến A, Nguyễn Thị Tuyết N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (9);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (5);
- BCTN (4);
- Lưu VP(3), HS(2).29b.HDT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy